

Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français

Un coup d'œil sur l'âme Japonaise

Khái-luận về tâm-lý người Nhật-bản (1)

*Discours prononcé par PAUL CLAUDEL devant les étudiants
de l'Université de Nikkô*

*Bài diễn-thuyết của quan Đại-sứ Pháp PAUL CLAUDEL cho học-sinh trường
Đại-Học thành Nikkô (Nhật-quang)*

III

C'est ce sentiment de révérence pieuse, de communion avec l'ensemble des créatures dans une bienveillance attendrie, qui fait le vertu secrète de votre art. Il est frappant de voir combien dans l'appréciation des œuvres qu'il a produites notre goût est resté longtemps loin du vôtre. Notre préférence allait vers les gravures et peintures de l'école *Ukiyoyé*, que vous considérez plutôt comme le témoignage d'une époque de décadence, mais pour lesquelles vous m'excuserez d'avoir conservé personnellement tout mon ancien enthousiasme : vers une représentation violente, pompeuse, théâtrale, colorée, spirituelle, pittoresque, infiniment diverse et animée du spectacle de tous les jours. C'est l'homme dans son décor familier et dans ses occupations quotidiennes qui y tient la plus grande place. Votre goût au contraire va vers les images anciennes où l'homme a presque disparu ou n'est plus représenté que par quelques effigies monastiques qui participent presque de l'immobilité des arbres et des pierres. Une carpe, un singe suspendu à une branche, quelques fleurs, un paysage dont un pinceau

Ấy chính cái lòng kính-cần đối với vạn-vật, muốn bao-dung hòa-hợp cả vạn-vật đó, nó làm cho mỹ-thuật các ngài có một cái tinh-thần riêng. Có một điều lạ, là cái cách chúng tôi thưởng-giám về mỹ-thuật ấy hướng-lại có khác với các ngài. Chúng tôi thường ưa những bức tranh bức vẽ về phái phong-tục-họa (*ukiyoé*), các ngài thì lại cho phái ấy là tiêu-biểu một thời-dại đã suy-dồi ; về phần riêng tôi thì tôi cũng xin các ngài miễn-thứ cho, tôi vẫn thích lối vẽ ấy : vẽ đậm-đạp, rực-rỡ, sán-lạn, trang-hoàng, bình-dung cái cảnh hoạt-dộng phiến-tạp hằng ngày một cách rất đĩnh-ngộ, rất hứng-thú. Lối vẽ ấy phần nhiều là tả người ta trong cái hoàn-cảnh quen-thuộc, trong khi làm việc hằng ngày. Như các ngài thời lại thích những cổ-họa không vẽ bình người mấy tí, hoặc có vẽ thì phác-họa ra những hình cổ-kính gần lẫn lẫn vào những hình mộc-thạch. Những cái « quả-bức » (*kakémonos*) vô-giá kia, ai may mới kiếm được từ đời cổ xưa, mỗi khi mở ra xem trân-trọng vô-cùng, thường vẽ một con cá, một con vượn nắm cành cây, một bức cảnh nét bút hùng-hồn như nét chữ, chỉ

(1) Xem N.-P. Phụ-trương số 80, 81.

magistrat a établi en quelques indications aussi décisives que de l'écriture les étages superposés. voilà ce que nous montrant la plupart du temps ces *kakemonos* sans prix que leurs heureux possesseurs vont chercher au fond des siècles et déroulent devant nous avec des précautions infinies. Et parfois, nous autres barbares qui avons toujours besoin d'être surpris et amusés, notre premier sentiment est celui de la déception. Nous manquons de cette sympathie intime — et, si je peux dire, de cette humilité de l'âme, qui lui permettrait de s'unir affectueusement à ce déroulement de la jeune pousse qui commence à respirer, à ce puissant coup de queue du poisson, qui, des ténèbres de la vase, remonte dans les zones de la lumière aquatique. Peu à peu seulement nous nous apercevons que cette souplesse délectable, cette justesse, ce suspens exquis dans le mouvement par exemple qui prend et enveloppe ce singe depuis le bout des ongles jusqu'à l'extrémité de la queue (ce n'est pas le singe qui est en mouvement, c'est le mouvement qui est singe), ce choix savant et naïf des moyens, cette patience de la contemplation jointe à la rapidité fondroyante de la main, cette suppression résolue et pudique des éléments inutiles, étrangers, mais cela, c'est la vie elle-même, ce n'est plus de l'art, c'est la vie elle-même que nous surprenons à son travail, plus divine sous cette forme anonyme. Voici ce pauvre petit bout d'existence qui, grâce à l'humble et pieux artiste, est devenu vivant pour toujours. Et de même que vos grands seigneurs d'autrefois préfèrent aux vases d'or et de cristal une simple écuelle de terre mais à quoi le potier avait su communiquer le moelleux de la chair et l'éclat de la rosée, ainsi pour exprimer l'éternel, ces grands

mấy cái vạch đủ phân ra từng-lớp bản-hoại. Chúng tôi cục-súc, hay thích những cái gì lạ - lùng buồn-cười, có khi mới trông thấy những bức cổ-họa đó, lấy làm nhạt-nhẽo không ưa. Chúng tôi không có cái cảm-tình thân-thiết, cái lòng kính-cần đối với vạn-vật nó khiến cho như cảm-thông được với cái mầm cây kia mới bắt đầu mọc, mới bắt đầu hô-hấp khí trời, cảm-thông được với con cá kia nó đang uốn mình quẫy đuôi mà tự dưới bùn lầy ngoi lên đến tầng nước sáng. Dần-dần rồi chúng tôi mới hiểu rằng cái vẽ mềm-mại khả-ái đó, cái vẽ điều-hòa thích-dáng đó, như dáng con vượn kia đang vận-dộng mà lững-lờ dừng lại, cách lững-lờ ấy trông rõ từ đầu móng cho đến cuối đuôi, khiến ta mơ-tưởng như không phải con vượn nó vận-dộng, tức là sự vận-dộng hiện hình ra con vượn vậy, cái cách vẽ khéo-léo mà tựa-hồ như thực-thà, cái cách quan-sát kỹ-càng mà ra tay mạnh-bạo như thế, chỉ vẽ phần cốt-yếu, còn quyết-nhiên bỏ cả những cái vẽ rậm-rạp phụ-thuộc ngoài, cái đó là chính sự sinh-hoạt rồi, chính sinh-hoạt chứ không phải là mỹ-thuật nữa, chính sự sinh-hoạt đang hành-dộng, càng tự-nhiên như thế lại càng li-hoạt lắm. Ừ, thử nhìn cái mảnh sinh-vật bé nhỏ kia, nhờ tay người họa-công thật-thà kính-cần, thành ra được sống mãi đời-đời. Các bậc sang-trọng ở nước các ngài đời xưa thường không ưa những lọ vàng lọ bạc hay là thủy-tinh pha-lê mà lại ưa một cái chén sành thường, nhưng người thợ nặn thợ nung đã khéo làm cho cái da nó bóng mát như da người, cái sắc nó sáng tươi như sương móc; những bậc danh-họa của các ngài cũng vậy, thường-thường là những thuyền-tăng đạo-sĩ, muốn diễn cái vẻ thiên-niên trong cảnh-vật, không có vẽ những hình người, hình vật, hình thần-tiên mà thôi, lại hình-

artistes, qui souvent étaient des prêtres, n'ont pas peint seulement des symboles et des dieux, mais précisément ce qu'il y a de plus fragile et de plus éphémère, de plus frais encore, un frisson de la source ineffable, un oiseau, un papillon, moins : une fleur qui va s'ouvrir, une feuille qui se détache.

C'est tout cela à quoi par un seul point de leur pinceau magique ils ont prescrit de subsister. La chose est là devant nous, vivante et immortelle, indestructible désormais dans son existence passagère.

Je n'insiste pas, tant la chose me paraît évidente, sur la manière dont ce sentiment de respect profondément inscrit dans le cœur de la Nation japonaise est venu orienter toutes les modalités de sa vie pratique et journalière. Le caractère du lien qui unit votre peuple à son souverain est bien connu; mais en outre il n'est pas exagéré de dire que, dans votre ancienne société, tous les rapports des hommes entre eux, au sein de leur famille, dans leur clan, dans leur corporation, étaient réglés comme les rites d'une religion. Il n'est pas de pays où le principe confucéen de la précaution dans les mouvements ait trouvé une application plus générale et plus noble. En effet si l'on admet qu'il y a quelque chose de mystérieux et de divin dans un objet matériel, combien plus dans un homme vivant. La grammaire est fondée tout autant que sur les différences de temps et de certitude, sur les degrés de considération, de cérémonie, avec lesquels nous avons à nous servir de la parole suivant la qualité de nos interlocuteurs et le milieu où nous nous trouvons. Elle porte la marque de cette traditionnelle politesse dont j'espère bien, malgré tous les mauvais exemples qui vous

dung ngay cái vẻ rất mong-manh, rất phảng-phất, rất thanh-tân trong cảnh-vật, như cái সুই রো-রাক, con chim, cái bướm, không những thế, lại tinh-vi đến như cái hoa sắp nở, cái lá đang rụng nữa.

Ấy những cái mong-manh phảng-phất như thế mà một nét bút thần làm cho sống lâu mãi-mãi. Cái vật ấy nó hiện-nhiên trước mắt ta kia, vốn là một vật thoáng qua nhất-thời mà nay thành thiên-niên bất-diệt.

Cái lòng kính-cần ấy nó in sâu vào trong tâm-hồn quốc-dân Nhật-bản, làm phương-châm cho cả mọi cách sinh-hoạt hằng ngày, điều đó đã cố-nhiên rồi, tôi không cần phải nói nữa. Mỗi quan-hệ dân đối với vua thế nào, ai cũng đã biết cả, nhưng trong xã-hội cũ của các ngài có thể nói rằng hết-thảy các mối quan-hệ của người ta với nhau, trong gia-đình, trong phiên-dãng, trong phường-hội, đều có lễ-nghi nhất-định như trong tôn-giáo, nói thế không phải là quá vậy. Không có nước nào mà cái phép dạy của Khổng-giáo về cách cẩn-thận trong sự cử-động lại thi-hành một cách phổ-thông và cao-thượng bằng ở đây. Vì trong một vật vô-hồn đã cho rằng có một phần thần-bí rồi, huống trong người ta là giống sinh-hoạt lại còn nhiều hơn biết bao nhiêu. Như cách ngôn-ngữ phải biết phân-biệt về thời-gian lúc trước hay lúc sau, về việc nói là chắc hay không chắc, điều đó đã cố-nhiên rồi, mà lại cũng quan-hệ ở trình-độ tôn-trọng, trình-độ lễ-nhượng, đối với bậc người nào, đối với cảnh-ngộ nào, thì phải dùng lời nói cách thế nào cho sai-biệt. Các ngài vốn có tiếng là một dân có lễ-độ, ngôn-ngữ của các ngài là biểu-hiệu cái tinh-cách cố-cựu đó, tôi dám ước-ao

sont donnés, que votre peuple n'arrivera jamais à se débarrasser. Par exemple nous nous sommes toujours étonnés nous autres Occidentaux, de voir un cocher qui dépasse l'autre, au lieu de l'injurier comme ce serait le cas dans une rue de Paris ou de Londres, le saluer gentiment comme pour s'excuser. Mais que ne peut-on attendre d'un chauffeur qui, comme celui d'un de mes collègues de Tokyô, va chaque semaine brûler de l'encens sur la tombe des quarante-sept *Rônins* ? De même c'est un sentiment intime de ce qu'il y a en chaque homme d'inviolable et de sacré qui explique les excès de votre ancien code de l'honneur. Un homme insulté au plus profond sanctuaire de sa personnalité n'avait plus qu'à disparaître, s'il ne pouvait faire disparaître son insulteur. Enfin, je pourrais retrouver ce goût de cette religion du mystère jusque dans la pudeur dont vous entourez vos sentiments les plus profonds, jusque dans le coin avec lequel vous cachez les objets qui vous tiennent le plus à cœur, jusque dans cet art compliqué des boîtes et des multiples enveloppes sous lesquelles vous savez habiller et dissimuler vos présents, vos emplettes et tous vos petits trésors domestiques. Mais je veux terminer cette rapide esquisse psychologique, à laquelle je n'attribue d'ailleurs pas d'autre valeur que celle d'une simple proposition, d'une question en somme que je vous pose, par un trait qui me semble montrer comment le sentiment religieux spécial au Japon s'accorde avec celui de l'humanité tout entière. Je l'emprunte aux souvenirs que je lis en ce moment

ràng tính-cách ấy dân các ngài đừng bao giờ bỏ đi, dù thiên-hạ bày cho các ngài những cái gương xấu cũng chớ nên bắt-chước. Thí-dụ như một việc sau này : người Tây chúng tôi thường lấy làm lạ trông thấy hai tên đánh xe cùng đi một đường phố, tên nọ muốn tiến lên trước tên kia, không có ngoảnh lại chửi hay rủa nhau như ở đường phố Paris hay Londres đâu, mà lại chào một cách tử-tế như muốn xin lỗi tên đi sau vậy. Nhưng lại còn chuyện này mới lạ nữa chứ : là chuyện người « tài-xế » một ông bạn đồng-sự tôi ở Tokyô, mỗi tuần-lễ đem hương đến thắp ở một « bốn mươi bảy nhà hào-kiệt » (1); một người tài xế như thế thì việc gì mà không cậy được ? Lại cái vũ-sĩ đạo chủ của các ngài mà có người tôn-sùng đến lạm-dụng cũng là bởi lòng tin-tưởng thâm-thiết rằng trong người ta có một mỗi thánh-thần bất-khả-xâm-phạm vậy. Một người dễ cho bị nhục đến chỗ thâm trong tâm-tính mình đó, mà không hoại được kẻ làm nhục mình, thì chỉ có một cách tự-hoại đi mà thôi. Sau nữa, tôi nhận thấy cái tính ham-chuộng sự thần-bí ấy tự trong cách thận-thâm của các ngài không muốn biểu-lộ những tình-cảm sâu trong lòng cho người ngoài biết, tự trong cách giấu giếm những đồ yêu đồ quý của mình vào một góc một xó, tự trong cái nghề làm bao làm hộp phiền-phức để bày đồ đựng những đồ quà bánh, hay những đồ tế-nhuễn trong nhà. Như nay tôi muốn kết-luận cái bài « pháp họa » về tâm-lý này, bài này chẳng qua tôi cũng chỉ coi như một bài dư bản, như một câu hỏi đề tôi nhờ các ngài trả lời hộ đó mà thôi, tôi muốn kết-luận bài này bằng một câu chuy

(1) *Rônins*, Nhật-bản viết là 浪人 (lãng-nhân), là người hào-kiệt, kẻ hiệp khách.

avec beaucoup d'admiration et d'édification d'un homme qui a consacré sa vie au service des pauvres et qui vit au milieu des mendiants et des prostituées dans l'un des plus misérables quartiers de Kobé. Cet homme, devenu chrétien, nous dit que ce qui l'a le plus frappé dans les enseignements de l'Evangile, c'est le commandement non seulement d'aimer le prochain, mais de le respecter. Non seulement nous devons aimer les êtres les plus déchus, les plus dégradés, matériellement et spirituellement, mais encore nous devons spécialement les honorer et les respecter, parce qu'ils sont comme nous, les créatures, les temples vivants de la Divinité ; bien plus, ils portent la marque spéciale de sa main (comme ce pin sur la route du *Tokkaido* tout tordu dans une supplication de paralytique !) Il n'y a rien de plus chrétien que ce sentiment sublime et je suis heureux de penser qu'il n'y a aussi rien de plus spécialement et de plus profondément japonais.

Messieurs, je m'excuse de vous avoir si longtemps retenus; il ne me reste plus qu'à jeter avec vous un dernier coup d'œil sur le paysage parcouru et à conclure par quelques vues sur celui que l'avenir offre à nous.

Il m'a semblé comprendre que le caractère traditionnel de l'âme japonaise était le respect, la compression de la personnalité en présence de l'objet con-

đu chứng rằng cái cảm-tình về tôn-giáo riêng của nước Nhật-bản thật là hợp với cái lòng tôn-giáo chung của cả loài người. Chuyện ấy tôi thấy ở trong một tập sách biếu nay tôi đang đọc lấy làm hứng lòng và cảm-phục lắm, sách ấy là sách « Kỳ-ức-lục » của một nhà từ-thiện đã cống-biến một đời để cứu-giúp cho kẻ bần-khố, hiện nay đang ở một xóm tồi-tàn ở thành Kobé cùng với bọn ăn-mày và bọn thồ-dĩ. Nhà ấy về sau theo về đạo Thiên-chúa, nói rằng xét những lời giáo-huấn trong kinh Phúc-âm, có một điều lấy làm cảm nhất, là điều dạy rằng người ta không những nên thương yêu kẻ khác mà lại nên kính-trọng nữa. Ta không những nên thương yêu những kẻ trụy-lạc, kẻ tồi-tàn, kẻ ti-tiền về đường vật-chất, về đường tinh-thần, mà ta lại còn nên tôn-nên kính một cách riêng nữa, vì những kẻ ấy cũng là giống chúng-sinh như ta, cũng là những cái « điện sống » để thờ Thần-minh ; không những thế, lại mang cái dấu-vết riêng của thần - minh nữa (như cây tùng ở trên đường *Tokkaido* kia quăn-quại như người đau bệnh tê-bại vậy.) Không có gì trùng với đạo Thiên-chúa bằng tấm lòng đó, và tôi tưởng rằng cũng không có gì hợp với tâm-tình người Nhật-bản một cách đặc-biệt, một cách thâm-thiết bằng tấm lòng đó.

Thưa các ngài, tôi xin các ngài thứ cho tôi đã lưu các ngài lâu như thế. Nay tôi chỉ xin cùng các ngài thu-quát lại nhứt-lãm cái bức cảnh ta vừa qua và khái-luận mấy câu về sự tương-lai thế nào.

Cứ ý tôi xét thì cái tính-cách cố-hữu của tâm-hồn người Nhật là sự kính-cẩn, như thu dọn bản-thân mình lại để đối với cái vật mình quan - sát, như cẩn-trọng mà chú-ý đến, nhất-

sidéré, l'attention déferente aux êtres et aux choses qui vous entourent. Votre religion n'a pas été jusqu'ici le culte d'un Être transcendant, elle est étroitement associée au milieu naturel et social où elle s'exerce, et bien qu'elle ressemble aux religions de l'Inde et de la Chine en ce qu'elle se passe de l'idée d'une Révélation précise apportée de l'autre monde, elle diffère cependant profondément de l'une et de l'autre. L'Indien est essentiellement un contemplateur, il regarde toujours la même chose, une verdure éternellement insubstante, quelque chose d'éternellement cachant et d'éternellement caché. Le peuple chinois répandu en nappe immense sur la plus grande alluvion qui existe au monde, a réservé le meilleur de ses préoccupations au règlement de ses relations avec ses semblables, à la codification des lois morales et pratiques qui permettent à des frères de se partager sans violence et sans procès l'héritage de la terre et de l'eau. Le Japonais fait partie d'un ensemble séparé et qui a montré pendant des siècles qu'il pouvait se passer de tout contact avec le reste de l'univers. Son pays est une espèce de sanctuaire tout édifié et paré sur lequel il voit d'un bout de l'année à l'autre, depuis les neiges de janvier jusqu'aux profondes poussées de la terre sous la pluie chaude de la *nynbai*, depuis les roses exhalaïsons d'avril jusqu'à l'embrasement automnal, se succéder et se développer dans un ordre rituel une cérémonie de couleurs et de fécondité. La vie est de participer à cet auguste calendrier, comme un enfant de famille antique qui prend part aux fêtes traditionnelles de sa maison. Il s'ajoute à la nature plutôt qu'il ne la subjugué, il s'associe à ses célébrations, il la regarde et fait la même chose, il complète son langage et sa pa-

thiét chúng-sinh cùng sự-vật ở quanh mình. Tôn-giáo của các ngài hướng-lai không phải là sự phụng - thờ một Đấng siêu-việt ; tôn-giáo ấy như liên-tiếp một cách mật-thiết với cái hoàn-cảnh thiên-nhiên và cái hoàn - cảnh xã-hội chỗ mình thi-hành, và tuy có giống với các tôn-giáo của Ấn-độ Chi-na vì không có tin - tưởng rằng có một lẽ mầu-nhiệm do một thế-giới khác mật-truyền sang cho, nhưng cũng khác tôn-giáo hai nước ấy nhiều lắm. Người Ấn-độ căn-bản là một nhà quan-niệm, bao giờ cũng nhìn một cái phong-cảnh y-nhiên, một cảnh xanh rì mà muôn năm không có bình-thê, như ngắm một vật gì đứng che-lấp luôn mà bị che-lấp luôn vậy. Dân-tộc Tàu thì như một đám nước triều tràn khắp một bãi phù-sa lớn nhất trong thế-giới, chỉ biết chăm-chút sắp-dặt cách giao-tiếp trong kẻ đồng-loại mình với nhau, dựng ra luân-lý để định cách ăn ở trong xã-hội, khiến cho anh em trong một nước được hưởng cái hương-hỏa đất nước một cách điều-hòa êm-thắm. Người Nhật-bản thời thuộc vào một cái cõi đời biệt-lập, đã tỏ ra trong mấy mươi thế-kỷ rằng có thể không tiếp-xúc với thế-giới ngoài cũng được. Nước Nhật vì như một cái điện thờ thần đã xây - dựng sẵn, trưng-bày sẵn, từ đầu năm đến cuối năm, tự tuyết sa tháng giêng cho đến mưa nòng mùa hạ, khiến cho cây cỏ đua nhau theo khi đất mà lên, từ tháng tư hoa hạnh nở ói, cho đến mùa thu lá cây vàng úng, suốt năm như xem một đám rước những màu-sắc phong-quang trải qua trước mắt theo một cái lễ-nghi trật-tự bất-định. Sống ở đời là tham-dự vào cái cuộc vinh-khô đại-tạ của cảnh-vật trong một năm đó, như đứa con trẻ trong một gia-đình cò cũng có phần vào các ngày giỗ-tết trong nhà mình. Người ta như

ture ; ils vivent en même temps. Il n'y a pas de pays où plus étroite intelligence existe entre l'homme et la nature et qui de l'autre à l'un porte plus visiblement la réciproque empreinte. Ils n'ont pas fait pendant deux mille siècles autre chose que de se regarder. Laissez-moi exprimer le vœu que cette communion continue et que la leçon qu'elle comporte pour le reste de l'humanité ne cesse pas, que des constructions étrangères et banales sans rapport avec le pays qui les supporte ne viennent pas déranger comme un hurlement d'esclaves et de damnés la musique de ces îles enchantées. Chaque fois que je rentre en France, je constate avec un chagrin profond les progrès d'une invention scélérate, d'un fléau pire que le phylloxéra, qui détruit peu à peu toute la beauté de notre pays, je parle de la *tuile mécanique*, de ce matériel aux lignes artificielles et rigides comme l'esprit d'un pion dont le rouge criard remplace peu à peu les beaux tapis de tuiles, d'une pourpre amortie comme les laines de Boukhara, les vieilles toitures honnêtes de la Champagne et de la Provence. Au milieu du plus harmonieux paysage il suffit d'une seule touche de ce carmin insolent et inaltérable pour tout démolir, comme le rire d'un imbécile qui anéantit l'orchestre. Eh bien, je crains que chez vous, si vous ne trouvez le moyen d'appriivoiser ces matériaux dangereux, le ciment armé et le zinc ne produisent de pareils dégâts. Il y a une vieille superstition chinoise appelée le *fong-shui*, qui prétend qu'on ne détruit pas impunément l'harmonie de la nature, que si on la *défigure*, que si on en casse la forme et le sens, les habitants de cette création abimée seront exposés sans défense à toutes les influences maléfi-

liên với cảnh-vật, chứ không phải là ra sức mà đoạt cảnh-vật ; những ngày cảnh-vật lẽ-bái, người ta cũng có dự phần, trông cảnh-vật mà cũng bắt-chước, như thêm cho cái tiếng hay vẻ đẹp của cảnh-vật, thành ra người ta với cảnh-vật cùng nhau mà cùng sống vậy. Không có xứ nào người ta với cảnh-vật có cảm-thông-mật-thiết với nhau như thế, hai bên như rõ-ràng in cái dấu-vết của nhau vậy. Trong hai nghìn thế-kỷ chỉ ngấm lẫn nhau mà thôi. Các ngài đề cho tôi câu-nguyện cho sự cảm-thông ấy cứ được như thế mãi, đề làm một bài học cho thế-giới noi theo, câu-nguyện cho đừng xây những nhà-lầu bác-tạp theo kiểu ngoại-quốc nó không ăn gì với phong-cảnh đất nước này, khác nào như tiếng hò-hồng của một bọn tù giầy, một lũ gánh đều, đâm ngang vào giữa khúc nhạc thần-tiên ở nơi Bồng-lai Tiên-cảnh vậy. Mỗi lần tôi về Pháp, tôi lại càng lấy làm rầu lòng trông thấy một thứ tài-liệu mới phát-minh mỗi ngày một thông-dụng, thứ tài-liệu ấy nó như là cái thiên-tai hại hơn con trùng dẫu, nó dần dần phá mất cái vẻ đẹp của nước chúng tôi, cái tài-liệu ấy người ta gọi nó là cái « ngói máy », nó ngang bằng sỗ ngay, nó cứng đờ cứng đẫn, như trí-não một bác đồ, mà sắc nó thì đỏ gay đỏ gắt, dần dần lẫn mất cả những mái ngói cũ đẹp như tấm thảm, sắc đỏ dịu-dàng như những tấm chiếu xứ Boukhara, lẫn mất cả những cái mái cũ thật-thà của đất Champagne và đất Provence chúng tôi. Giữa một bức phong-cảnh điều-hòa, chỉ một đám sơn sặc-sỡ mà không phai đó là đủ phá-hoại cả, khác nào như tiếng cười một thằng đại phá mất một cuộc hòa-nhạc đương êm tai. Vậy tôi cũng sợ thay cho xứ các ngài đây, nay đã dùng đến kềm, đến xi-mo cốt sắt để làm nhà, nếu không biết khéo sử-dụng những cái tài-liệu

ques. Je souhaite que ce jour n'arrive jamais pour le Japon, et suivant les paroles de votre hymne national, que l'union paisible de l'homme et de la terre subsiste pour tous les siècles « comme la mousse sur le rocher ».

PAUL CLAUDEL

(*La nouvelle Revue française*)

nguy-hiêm đó, e rằng rồi nó cũng tác-ác như thứ ngói máy kia. Người Tàu có một tục mê-tin cổ, gọi là tục « phong-thủy », theo tục ấy thì người ta không thể làm trái sự điều-hòa của phong-cảnh mà yên-lành được, nếu làm cho phong-cảnh sai mất hình-dạng đi, làm cho biến tính biến cách đi, thì những người ở trong cái cảnh-vật hư-bỏng đó sẽ phải chịu những ảnh-hưởng ác-bại nó xâm-phạm vào mình, không thể phòng-ngữ được. Tôi ước-ao cho nước Nhật không bao giờ phải gặp đến nông-nỗi ấy, và theo như lời quốc-ca của các ngài, ước-ao cho người ta với đất nước cùng nhau yên-đón hòa-hợp đời đời như rêu với đá vậy.

Hết

Le Jubilé d'Anatole France

Les « Compagnons de l'Intelligence » ont fêté au restaurant du Nègre, les quatre-vingts ans de M. Anatole France. L'écrivain Jérôme Tharaud, qui présidait le dîner, a prononcé l'allocution que voici.

Je vous remercie tous de l'honneur que vous me faites en m'ayant choisi pour présider, ce soir, ce dîner où nous fêtons la quatre-vingtième année de M. Anatole France. Parmi tant de choses dont il faut être reconnaissant à ce grand maître, remercions-le d'abord d'avoir atteint ce bel âge, qui couronne son œuvre d'une majesté tranquille, comme si le Temps, redoutable à toutes les œuvres humaines, avait voulu lui marquer de son vivant qu'il ne lui serait pas trop cruel.

Quand je cherche parmi les mortels quelqu'un qui lui ressemble, je n'en vois pas dans le siècle. C'est dans le paradis, parmi les Bienheureux (où il le rejoindra le plus tard possible, j'espère), que je lui trouve un parrain, son vrai patron

spirituel. Un biographe de M. France devra toujours avoir présente à l'esprit, pour se tenir dans le ton juste, la figure de Saint François. Comme celle du pauvre d'Assise, son âme est courtoise et gracieuse : *Caveant fratres ne se obstendant nubilosos*, conseille le saint dans sa règle. Que nos frères, nos compagnons, se gardent en toute occasion de montrer un esprit sombre. Et il disait à frère Léon : « Mon frère, si tu as à regretter quelque chose, enferme-toi dans ta cellule. Là, pleure et gémis à ta guise. Mais devant tes frères, sois aimable. » Et comme Léon demeurait toujours morose : « Frère Léon, lui dit encore Saint François, il ne faut pas être mélancolique. Le Seigneur aime la joie. » Et il l'emmena dans la campagne. On était

aux premiers jours de l'automne. Les vignes enlacées aux arbres laissaient pendre les raisins mûrs. François entra dans le champ d'un paysan, cueillit une grappe, l'offrit à frère Léon et lui dit : « Mange, frère, et sois gai. »

M. Anatole France a-t-il jamais pleuré dans sa cellule ? A-t-il jamais regretté ses péchés (nous en commettons tous) ? Cela, c'est son secret. Le certain, c'est que jamais il ne nous a montré un visage *nubilosus*, ni fait entendre des paroles qui pourraient attrister la vie. Il y a dû bonheur dans ses livres. Comme Saint François, il nous fait vivre dans un univers indulgent, il nous emmène sur des pentes aimables, et en nous offrant ses rêveries pénétrées d'intelligence comme un fruit de soleil, il nous dit comme à frère Léon : « Mange, cher compagnon, et sois gai. »

Tout au long de sa vie, M. France a trouvé sa joie dans cette magnifique illusion qui s'appelle l'art d'écrire, — la plus subtile de toutes, en vérité, puisque, vous le savez comme moi, ô écrivains, mes amis, on est souvent le seul à entendre sa mélodie. « J'envisage surtout à Saint François, me disait un jour M. France, les ressources ingénieuses qu'il avait pour entretenir en lui-même la charmante vertu d'allégresse. Sur la fin de sa vie, devenu presque aveugle, il ne pouvait guère se réjouir du spectacle de la nature. Mais comme il voulait malgré tout conserver à son âme l'état de grâce du bonheur, il s'en alla trouver frère Egidius qui, naguère, dans le monde, avait joué de la cithare. « Frère Egidius, lui dit-il, les enfants du siècle n'entendent rien aux volontés divines. Les violons nous ont été donnés pour chanter les louanges du Seigneur. Les musiciens sont trop portés à en faire uniquement la délectation des oreilles. Il faut de l'esprit, frère Egidius, même

dans la musique. Pour moi, je serais heureux si, sans attirer l'attention, tu découvrais une cithare et me chantais un beau cantique. Ce serait un grand soulagement pour mon frère le corps qui est en ce moment accablé de maux. »

Mais, hélas ! frère Egidius était lui aussi *nubilosus*. Tout le monde est *nubilosus*, sauf M. France et saint François. Frère Egidius répondit : « J'obéirais volontiers à votre désir, frère François. Mais je crains d'être vu et qu'on m'accuse de rechercher un divertissement peu convenable pour un religieux. » « N'en parlons plus, dit saint François. Il y a ainsi bien des plaisirs auxquels nous devons renoncer par crainte du scandale. » Mais au moins voulut-il se donner l'illusion de la musique et, prenant deux morceaux de bois, de l'un il fit l'archet et de l'autre le violon. Puis il se mit à jouer de cet instrument imaginaire. Et frère Egidius vit la figure de François s'illuminer, car le saint entendait cette divine musique de l'esprit, dont je vous parlais tout à l'heure, et qu'au moins une fois dans nos rêves nous avons tous entendue : « J'ai été bien souvent tenté, ajoutait M. France, d'imiter Saint François. J'ai craint de ne pas réussir l'expérience et d'être ridicule. Pourtant, il serait beau d'atteindre au ravissement avec deux bâtons promenés l'un sur l'autre. Mais hélas ! nous sommes des barbares ! »

Non, mes chers compagnons, nous ne sommes pas des barbares. Cet art léger du maître que nous fêtons ce soir n'est-il pas obtenu avec les moyens les plus simples, deux bâtons promenés l'un sur l'autre ? Et cependant, qui d'entre nous n'est pas ravi par sa musique ?

De temps en temps je lis dans les journaux que M. Anatole France est un révolutionnaire. Je le crois, et qu'il serait bien fâché qu'on le prit pour un bourgeois ! Mais son socialisme n'est pas ce-

lui d'un Lénine ou d'un Trotzki, c'est encore celui de Saint François. Si les hommes avaient suivi les conseils du Poverello, depuis longtemps les questions sociales ne les préoccuperaient plus. Il n'y aurait ni riches, ni pauvres, ni anarchisme, ni bolchevisme, la terre serait un paradis de mendiants. Au contraire de mon ancien maître en économie politique, M. Georges-Raphaël Lévy, Saint François connut vite que la plupart des maux qui nous affligent viennent de l'argent. Aussi haïssait-il ce métal d'une haine inextinguible, s'il est possible de dire qu'un saint ait jamais senti la haine. Il eût voulu que la monnaie disparût de la face de la terre et que les relations des hommes entre eux ne fussent qu'un échange désintéressé de bons services. « Mes frères, disait-il autour de lui, ne recevez jamais ni or, ni cuivre, ni argent. A cette condition vous serez heureux. Au temps des moissons, aidez à couper le blé, à lier les gerbes. Le maître du champ voudra vous payer. Répondez lui : « Garde ton argent, donne-nous seulement à manger et à boire. » Vous mangerez et vous boirez à votre faim, à votre soif, car il ne faut pas mépriser notre frère le corps. La moisson ne durera pas toujours. Alors, installez-vous à la porte d'un boulanger, et demandez-lui du pain. Il vous le refusera comme à des mendiants. Mais le meunier arrivera avec sa charrette porter du blé au boulanger. Jetez vous sur les sacs et déchargez la charrette. Le boulanger voudra vous payer. Répondez lui : « Frère boulanger, garde ton argent. Donne-moi seulement de ton pain. » Ainsi toujours prêts à rendre service, on vous emploiera, on vous nourrira, et vous n'aurez jamais souci d'argent. »

Voilà certes des pensées auxquelles

M. Anatole France adhère de tout son cœur. Des pensées essentiellement révolutionnaires, aurait dit M. Leroy-Beaulieu, de la dynamite en papillotes, dirait plus drôlement M. Bergeret. Que de bouleversements sociaux, que de mitraille, de coups de fusil, de pendaisons, de guillotines, derrière ce tableau enchanteur ! Mais notre cher grand maître, jamais *nubilosus*, croit en la force de la raison pour arranger tout cela. En 1903, sous les tilleuls de la petite place de Tréguier où l'on inaugurerait une statue de Renan, M. Anatole France rapportait à son vieux maître la réponse de Pallas Athéné. Et Pallas Athéné disait :

« Qui vaincra, la haine ou l'amour ? l'ignorance ou la science ? la guerre ou la paix ? la barbarie ou la civilisation ? la force de ceux qui tu as appelés les rois issus d'un rang lourd ou la puissance de la démocratie ? Ne le demande pas. L'avenir est caché, même à ceux qui le font. Ne demande pas quelle sera la cité future. Mais sache que c'est moi qui la construirai, car seule je suis architecte et géomètre, et ce n'est pas en vain que les savants et les philosophes m'ont ramenée sur la terre. » Toute sa vie, M. France a cru aux promesses de Pallas. Il a mis sa confiance dans la plus douce, la plus invincible des forces, la raison. Il croit que l'humanité finira par réaliser les rêves des sages. C'est le dernier romantique.

Messieurs, je lève mon verre aux quatre-vingts ans d'Anatole France, à ce grand artiste qui représente aux yeux du monde ce qu'il y a de plus délicat et de plus généreux dans l'esprit de la France. Et je prie son ange gardien de le garder longtemps encore parmi nous.

Jérôme THARAUD.

(Reproduit par le *Courrier d'Haiphong*)